

Số: 46/2022/CBTT

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2022

V/v: Báo cáo 6 tháng đầu năm đã kiểm  
toán

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

**Công ty cổ phần Quản lý quỹ Leadvisors**

Trụ sở chính: Tầng 25, tòa nhà Leadvisors tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 37836089

Fax: 024 37836079

Người thực hiện công bố thông tin: **Phạm Quang Trung**

Địa chỉ: Tầng 25, tòa nhà Leadvisors tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024 37836089

Fax: 024 37836079

Loại thông tin công bố:

24 giờ  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính công ty 6 tháng đầu năm 2022 đã kiểm toán.
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính công ty 6 tháng đầu năm 2022 đã kiểm toán.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Leadvisors tại đường dẫn: <http://fund.leadvisors.com/vi/bao-cao/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin

**Tổng Giám đốc**  
  
**Phạm Quang Trung**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
LEADVISORS

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

-----000-----

Số: 466/2022 /QLQ

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2022

V/v: Giải trình LNST

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính;

Công ty cổ phần Quản lý quỹ Leadvisors xin giải trình số liệu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của 6 tháng đầu năm 2022 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước như sau:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2022 (VND)	6 tháng đầu năm 2021 (VND)	Thay đổi so với cùng kỳ năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.687.865.217)	309.080.014	-1.940%

- Năm 2022, lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm do trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán.

Trân trọng./.

**Tổng Giám đốc**  
Phạm Quang Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS**

***BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ***

*cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022*

*đã được soát xét*



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét</b>	<b>5 – 25</b>
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 25

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Leadvisors (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Leadvisors, tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thái Bình Dương, trước đó lần lượt là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hapaco, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 16/UBCK-GPHĐQLQ ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thái Bình Dương thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Leadvisors từ ngày 30 tháng 9 năm 2021 theo Giấy phép điều chỉnh số 84/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm:

- Quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Minh Thành	Chủ tịch
Ông Lê Đình Quang	Ủy viên
Bà Lê Thị Quỳnh Trang	Ủy viên

### **TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN**

Tổng Giám đốc và Phụ trách Kế toán trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Quang Trung	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Phụ trách Kế toán

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

### Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

**Tổng Giám đốc**  
  
**Phạm Quang Trung**

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Leadvisors được lập ngày 10 tháng 8 năm 2022, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Leadvisors chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài  
chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Giám đốc**



**Bùi Ngọc Vương**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2018-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>32.826.605.963</b>	<b>38.787.149.476</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>7.759.304.000</b>	<b>12.091.835.313</b>
1.	Tiền	111		1.159.304.000	869.169.594
2.	Các khoản tương đương tiền	112		6.600.000.000	11.222.665.719
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>24.864.025.349</b>	<b>14.629.389.650</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		32.022.267.592	15.824.156.323
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(7.158.242.243)	(1.194.766.673)
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>203.276.614</b>	<b>12.065.924.513</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		-	-
2.	Trả trước cho người bán	132		94.076.996	12.022.000.000
4.	Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.03	266.946.196	235.276.955
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.04	673.826.851	640.220.987
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136		(831.573.429)	(831.573.429)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	-	-
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>232.182.557</b>	<b>237.862.557</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	-	-
	- Nguyên giá	222		67.600.000	67.600.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(67.600.000)	(67.600.000)
<b>III.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>223.779.210</b>	<b>223.779.210</b>
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		2.511.644.800	2.511.644.800
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(2.287.865.590)	(2.287.865.590)
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.403.347</b>	<b>14.083.347</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	8.403.347	14.083.347
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>33.058.788.520</b>	<b>39.025.012.033</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS**

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>447.505.031</b>	<b>725.863.327</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>447.505.031</b>	<b>725.863.327</b>
2.	Phải trả người bán	312		321.787.203	222.803.962
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.07	6.294.358	300.560.484
5.	Phải trả người lao động	315		50.342.000	89.417.000
6.	Chi phí phải trả	316	V.08	-	44.000.000
8.	Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.09	25.044.509	25.044.920
10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		44.036.961	44.036.961
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.10</b>	<b>32.611.283.489</b>	<b>38.299.148.706</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		297.571.576	297.571.576
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		595.143.152	595.143.152
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(3.281.431.239)	2.406.433.978
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>33.058.788.520</b>	<b>39.025.012.033</b>

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Phụ trách Kế toán

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Bích Ngọc

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Phạm Quang Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS**

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội  
 Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND


STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2.	Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3.	Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5.	Ngoại tệ các loại	005		-	-
6.	Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		29.790.880.000	28.266.800.000
	Trong đó:				
6.1.	Chứng khoán giao dịch	007		29.721.080.000	28.197.000.000
6.2.	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		69.800.000	69.800.000
6.3.	Chứng khoán cầm cố	009		-	-
6.4.	Chứng khoán tạm giữ	010		-	-
6.5.	Chứng khoán chờ thanh toán	011		-	-
6.6.	Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		-	-
6.7.	Chứng khoán chờ giao dịch	013		-	-
6.8.	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014		-	-
6.9.	Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		-	-
7.	Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		2.242.540.000	2.242.540.000
8.	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	V.11	44.035.817.941	41.314.835.157
	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		44.035.817.941	41.314.835.157
	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		-	-
9.	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	V.12	375.970.020.716	375.970.020.716
	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		375.970.020.716	375.970.020.716
	- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		-	-
10.	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		-	-
11.	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	V.13	53.013.241	21.344.000

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Phụ trách Kế toán

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Ngọc



Nguyễn Thị Bích Ngọc



Phạm Quang Trung

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
1.	Doanh thu	01	VI.01	107.997.980	109.406.688
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh dịch vụ</b>	10		<b>107.997.980</b>	<b>109.406.688</b>
4.	Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.02	174.287.263	181.768.480
5.	<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(66.289.283)</b>	<b>(72.361.792)</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	501.988.702	152.772.066
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	5.963.475.570	(1.066.692.000)
8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	457.422.811	873.422.260
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>(5.985.198.962)</b>	<b>273.680.014</b>
11.	Thu nhập khác	31		297.333.745	35.400.000
12.	Chi phí khác	32		-	-
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>297.333.745</b>	<b>35.400.000</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>(5.687.865.217)</b>	<b>309.080.014</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	60		<b>(5.687.865.217)</b>	<b>309.080.014</b>
18.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	VI.06	<b>(1.625)</b>	<b>88</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Phụ trách Kế toán



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Phạm Quang Trung

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		3.642.443.739	11.259.523.091
2.	Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(6.882.091.693)	(15.896.710.188)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(333.953.100)	(593.682.264)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(289.945.682)	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		17.302.333.334	1.535.400.000
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.104.959.344)	(90.838.391)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>8.333.827.254</b>	<b>(3.786.307.752)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.000.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		333.641.433	153.684.395
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(12.666.358.567)</b>	<b>153.684.395</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS**

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(4.332.531.313)</b>	<b>(3.632.623.357)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>12.091.835.313</b>	<b>16.643.564.995</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>7.759.304.000</b>	<b>13.010.941.638</b>

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Phụ trách Kế toán

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Bích Ngọc

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Phạm Quang Trung

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

#### **02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán.

#### **03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm:

- Quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

#### **04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **05. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 9 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 9 người).

#### **06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 có thể so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2021.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý quỹ ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý quỹ tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty Quản lý quỹ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

### 02. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán đầu tư*

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày ua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

#### *Đầu tư tài chính dài hạn khác*

Đầu tư tài chính dài hạn khác là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội, được ghi nhận theo giá gốc. Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư này.

#### **Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn**

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### 04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

#### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Thiết bị, dụng cụ quản lý

03 năm

### 05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả là khoản chi phí trích trước báo giá OTC hàng tháng, chi phí kiểm toán được xác định căn cứ theo công văn đề nghị thanh toán chi phí báo giá OTC, hợp đồng kiểm toán.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 07. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính là dự phòng về khả năng tổn thất vốn chủ sở hữu do những nguyên nhân khách quan.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 09. Nguyên tắc ghi nhận chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán

Chi phí hoạt động kinh doanh phản ánh các khoản chi phí liên quan đến hoạt động nghiệp vụ trong kỳ. Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ cung cấp trong kỳ.

### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và tổn thất đầu tư.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

### 01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền	1.159.304.000	869.169.594
+ Tiền mặt	-	-
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.159.304.000	869.169.594
+ Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền (*)	6.600.000.000	11.222.665.719
<b>Cộng</b>	<b>7.759.304.000</b>	<b>12.091.835.313</b>

(\*): Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 77 ngày được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam với lãi suất 3,7%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS**

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị ghi sổ	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>		<b>32.022.267.592</b>		<b>15.824.156.323</b>
<i>Chứng khoán niêm yết</i>		<i>18.720.818.962</i>		<i>15.522.707.693</i>
+ Công ty Cổ phần One Capital Hospitality	370.000	6.595.879.000	213.900	3.226.506.015
+ Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội	2.318.000	8.125.169.500	2.318.000	8.125.169.500
+ Công ty Cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang	207.700	2.704.150.150	207.700	2.704.150.150
+ Công ty Cổ phần Everpia	76.408	1.295.620.312	80.100	1.466.882.028
<i>Chứng khoán hủy niêm yết</i>		<i>301.448.630</i>		<i>301.448.630</i>
+ Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Lâm thủy sản Bến Tre	6.980	301.448.630	6.980	301.448.630
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>		<b>13.000.000.000</b>		<b>-</b>
+ Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng		13.000.000.000		-
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>		<b>(7.158.242.243)</b>		<b>(1.194.766.673)</b>
<i>Chứng khoán niêm yết</i>		<i>(6.856.793.613)</i>		<i>(893.318.043)</i>
+ Công ty Cổ phần One Capital Hospitality		(3.635.879.000)		(852.216.015)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội		(3.025.569.500)		-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Everpia		(195.345.113)		(41.102.028)
<i>Chứng khoán hủy niêm yết</i>		<i>(301.448.630)</i>		<i>(301.448.630)</i>
+ Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Lâm thủy sản Bến Tre		(301.448.630)		(301.448.630)
<b>Cộng</b>		<b>24.864.025.349</b>		<b>14.629.389.650</b>

**b. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị ghi sổ	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>2.511.644.800</b>		<b>2.511.644.800</b>
+ Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội	224.254	2.511.644.800	224.254	2.511.644.800
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</b>		<b>(2.287.865.590)</b>		<b>(2.287.865.590)</b>
+ Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội		(2.287.865.590)		(2.287.865.590)
<b>Cộng</b>		<b>223.779.210</b>		<b>223.779.210</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS**

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Phải thu hoạt động nghiệp vụ**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	98.387.097	98.387.097
- Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	-
- Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác	168.559.099	136.889.858
<b>Cộng</b>	<b>266.946.196</b>	<b>235.276.955</b>

**04. Phải thu khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>673.826.851</b>	<b>640.220.987</b>
- Tạm ứng	55.983.876	22.378.012
+ Ông Phạm Quang Trung	55.644.503	21.036.399
+ Đối tượng khác	339.373	1.341.613
- Phải thu khác	617.842.975	617.842.975
+ Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Hapaco (*)	17.640.475	17.640.475
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (*)	600.000.000	600.000.000
+ Bảo hiểm xã hội	202.500	202.500
<b>Cộng</b>	<b>673.826.851</b>	<b>640.220.987</b>

(\*): Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, khoản phải thu Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Hapaco và Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng đã quá hạn và đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi với tỷ lệ trích lập 100%.

**05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	67.600.000	67.600.000
<i>Số dư cuối kỳ</i>	67.600.000	67.600.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	67.600.000	67.600.000
<i>Số dư cuối kỳ</i>	67.600.000	67.600.000
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 67.600.000 đồng.

**06. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	8.403.347	14.083.347
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	8.403.347	14.083.347
<b>Cộng</b>	<b>8.403.347</b>	<b>14.083.347</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS**

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	289.945.682	-	289.945.682	-
- Thuế thu nhập cá nhân	5.889.800	10.898.900	11.183.300	5.605.400
- Thuế nhà thầu	4.407.651	-	4.036.044	371.607
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	317.351	3.000.000	3.000.000	317.351
<b>Cộng</b>	<b>300.560.484</b>	<b>13.898.900</b>	<b>308.165.026</b>	<b>6.294.358</b>

**08. Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	-	<b>44.000.000</b>
- Trích trước chi phí kiểm toán	-	44.000.000
<i>b. Dài hạn</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>44.000.000</b>

**09. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	<b>25.044.509</b>	<b>25.044.920</b>
- Bảo hiểm xã hội	-	411
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.044.509	25.044.509
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	6.698.634	6.698.634
+ Công ty Tài chính Hafinco	16.784.800	16.784.800
+ Bà Nguyễn Thùy Dương	1.561.075	1.561.075
<i>b. Dài hạn</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>25.044.509</b>	<b>25.044.920</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS**

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**10. Vốn chủ sở hữu**

*a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>297.571.576</b>	<b>595.143.152</b>	<b>(1.306.268.908)</b>	<b>34.586.445.820</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	3.712.702.886	3.712.702.886
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>297.571.576</b>	<b>595.143.152</b>	<b>2.406.433.978</b>	<b>38.299.148.706</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	(5.687.865.217)	(5.687.865.217)
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>297.571.576</b>	<b>595.143.152</b>	<b>(3.281.431.239)</b>	<b>32.611.283.489</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS**

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
+ Bà Nguyễn Thị Lan Hương	7.210.000.000	20,6	7.210.000.000	20,6
+ Bà Công ty Cổ phần Tập đoàn Leadvisors Capital	14.700.000.000	42,0	14.700.000.000	42,0
+ Ông Lê Minh Thành	11.550.000.000	33,0	11.550.000.000	33,0
+ Bà Nguyễn Thị Thu Hà	1.540.000.000	4,4	1.540.000.000	4,4
<b>Cộng</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	35.000.000.000	35.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.500.000	3.500.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.500.000	3.500.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**11. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Số dư đầu năm	41.314.835.157	34.245.922.471
- Số tăng trong kỳ	2.797.311.523	3.531.413.882
- Số giảm trong kỳ	(76.328.739)	(159.523.091)
- Số dư cuối kỳ	44.035.817.941	37.617.813.262

**12. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Nhà đầu tư ủy thác trong nước</b>	<b>375.970.020.716</b>	<b>375.970.020.716</b>
- Chứng khoán niêm yết	113.397.170.716	113.397.170.716
- Chứng khoán chưa niêm yết	262.572.850.000	262.572.850.000
<b>b. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>375.970.020.716</b>	<b>375.970.020.716</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS**

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**13. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả phí lưu ký	53.013.241	21.344.000
<b>Cộng</b>	<b>53.013.241</b>	<b>21.344.000</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu**

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	107.997.980	109.406.688
<b>Cộng</b>	<b>107.997.980</b>	<b>109.406.688</b>

**02. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư	107.997.980	121.768.480
- Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác	66.289.283	60.000.000
<b>Cộng</b>	<b>174.287.263</b>	<b>181.768.480</b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	257.233.433	152.772.066
- Lãi bán các khoản đầu tư	168.347.269	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	76.408.000	-
<b>Cộng</b>	<b>501.988.702</b>	<b>152.772.066</b>

**04. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	5.963.475.570	(1.066.692.000)
<b>Cộng</b>	<b>5.963.475.570</b>	<b>(1.066.692.000)</b>

**05. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Chi phí nhân viên quản lý	264.017.000	572.751.364
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	4.351.691
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.468.675	286.224.205
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	32.937.136	10.095.000
<b>Cộng</b>	<b>457.422.811</b>	<b>873.422.260</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

### 06. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(5.687.869.606)	309.080.014
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.687.869.606)	309.080.014
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.500.000	3.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.625)</b>	<b>88</b>

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có thông tin.

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### 02. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các cổ đông góp vốn, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phụ trách Kế toán và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Ông Phạm Quang Trung – Tổng Giám đốc</b>		
+ Tạm ứng	55.644.503	21.036.399
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>55.644.503</b>	<b>21.036.399</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS**

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Tiền lương, thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>	
<b>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</b>					
1.	Ông Lê Minh Thành	Chủ tịch HĐQT	13.100.000	-	13.100.000
2.	Ông Phạm Quang Trung	Tổng Giám đốc	29.700.000	-	29.700.000
<b>Cộng</b>		<b>42.800.000</b>	<b>-</b>	<b>42.800.000</b>	

	<u>Chức vụ</u>	<u>Tiền lương, thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>	
<b>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</b>					
1.	Ông Lê Minh Thành	Chủ tịch HĐQT	15.500.000	-	15.500.000
2.	Ông Phạm Quang Trung	Tổng Giám đốc	34.365.600	-	34.365.600
<b>Cộng</b>		<b>49.865.600</b>	<b>-</b>	<b>49.865.600</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS**

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Giá trị số sách				Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.759.304.000	-	12.091.835.313	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác	884.789.171	(831.573.429)	853.119.930	(831.573.429)	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.022.267.592	(7.158.242.243)	15.824.156.323	(1.194.766.673)		
Đầu tư tài chính dài hạn	2.511.644.800	(2.287.865.590)	2.511.644.800	(2.287.865.590)	24.864.025.349	14.629.389.650
<b>Cộng</b>	<b>43.178.005.563</b>	<b>(10.277.681.262)</b>	<b>31.280.756.366</b>	<b>(4.314.205.692)</b>	223.779.210	223.779.210

	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số cuối kỳ	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	321.787.203	222.803.962	(*)	(*)
Vay và nợ	-	-	(*)	(*)
Chi phí phải trả	-	44.000.000	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	25.044.509	25.044.509	(*)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>346.831.712</b>	<b>291.848.471</b>		

(\*) Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả cho người bán	321.787.203	-	-	321.787.203
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	25.044.509	-	-	25.044.509
<b>Cộng</b>	<b>346.831.712</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>346.831.712</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	222.803.962	-	-	222.803.962
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	44.000.000	-	-	44.000.000
Các khoản phải trả khác	25.044.509	-	-	25.044.509
<b>Cộng</b>	<b>291.848.471</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>291.848.471</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

### 07. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc.

### 08. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Phụ trách Kế toán

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Phạm Quang Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS**  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM**  
**TOÁN**

**Tại thời điểm 30/06/2022**

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

---

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	05 - 13

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Leadvisors (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2022.

### **Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Leadvisors (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Hapaco, trước đó là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng, Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép số 16/UBCK-GPHĐQLQ ngày 29/12/2006, Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK ngày 16/03/2012, Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 03/01/2014 và Giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK ngày 04/11/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

Theo giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK ngày 16/03/2012 thì vốn Điều lệ của Công ty là: **35.000.000.000 VND** (Ba mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).

### **Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Bộ phận Kiểm soát nội bộ**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Bộ phận kiểm soát nội bộ điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

#### **Chức vụ**

Ông Lê Minh Thành

Chủ tịch

Ông Lê Đình Quang

Thành viên

Bà Lê Thị Quỳnh Trang

Thành viên

#### **Tổng Giám đốc**

#### **Chức vụ**

Ông Phạm Quang Trung

Tổng Giám đốc

#### **Bộ phận Kiểm soát nội bộ**

#### **Chức vụ**

Bà Nguyễn Thu Hằng

Phụ trách bộ phận

#### **Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Công ty 18-4, Số 8 Phạm Hùng, phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

### **Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2022 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2022, phù hợp với quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính.

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS**



**Phạm Quang Trung**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022*



Số : 208/2022/BCSX-AASCN

## BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2022

Kính gửi : **Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Leadvisors**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Leadvisors (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 10 tháng 8 năm 2022, từ trang 05 đến trang 13 đã được lập theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2022 phù hợp quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2022 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo, trên các khía cạnh trọng yếu, được lập và trình bày không phù hợp với các quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Giám đốc**



**Bùi Ngọc Vương**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2018-152-1

### Trụ sở chính

29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880  
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

### Chi nhánh Hà Nội

P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa,  
quận Cầu Giấy, Hà Nội / Điện thoại: 024 6281.1281  
Email: info@namviethn.vn / Web: www.aascn.com.vn

Số:

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Hà Nội ngày 10 tháng 8 năm 2022

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/6/2022

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Thị Bích Ngọc**

**Phụ trách bộ phận  
Kiểm soát nội bộ**



**Nguyễn Thu Hằng**

**Tổng Giám đốc**



**Phạm Quang Trung**

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
<b>A</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	35.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-		
5	Quỹ đầu tư phát triển (nếu có)	297.571.576		
6	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	595.143.152		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(3.281.431.239)		
9	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản (i)	10.277.681.262		
10	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
11	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính (ii)		7.158.242.243	-
14	Vốn khác (nếu có)	-		
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>			<b>35.730.722.508</b>
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>			
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>			
1	Đầu tư ngắn hạn			-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9			-
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 6			-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác</b>		94.076.996	
	Phải thu của khách hàng			-
1	- Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			-
	- Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
2	Trả trước cho người bán		94.076.996	

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)**

3	Phải thu hoạt động nghiệp vụ		-	
	- Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
4	Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
5	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	
6	- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
7	Các khoản phải thu khác		-	
	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
8	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		-	
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		-	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		-	
2	Thuế GTGT được khấu trừ		-	
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước		-	
4	Tài sản ngắn hạn khác		-	
4.1	Tạm ứng		-	
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
4.2	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
	Tài sản ngắn hạn khác		-	
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>		<b>94.076.996</b>	
<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác</b>		-	
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	- Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)**

	- Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
	Phải thu dài hạn nội bộ		-	
3	- Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	Phải thu dài hạn khác			
4	- Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		-	
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>		-	
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>2.511.644.800</b>	
1	Đầu tư vào công ty con		-	
2	Vốn góp liên doanh		-	
3	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	
	Đầu tư chứng khoán dài hạn		-	
4	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9		-	
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 6		-	
5	Các khoản đầu tư dài hạn ra nước ngoài		-	
6	Đầu tư dài hạn khác		2.511.644.800	
7	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>8.403.347</b>	
1	Chi phí trả trước dài hạn		8.403.347	
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
3	Ký cược, ký quỹ dài hạn		-	
	<b>Các chỉ tiêu tài sản</b> bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 6		-	
<b>1C</b>	<b>Tổng</b>		<b>2.520.048.147</b>	
	<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C</b>			<b>33.116.597.365</b>

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)**

(i) Số dư dự phòng suy giảm tài sản:

	<u>Số cuối kỳ</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	7.158.242.243
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	831.573.429
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	2.287.865.590
<b>Cộng</b>	<b><u>10.277.681.262</u></b>

(ii) Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính:

	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá thị trường</u>	<u>Chênh lệch</u>
<b>Giá trị tăng thêm</b>			
<b>Chứng khoán niêm yết</b>			
+ Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH (Mã: OCH)	6.595.879.000	2.960.000.000	(3.635.879.000)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội (Mã: PVR)	8.125.169.500	5.099.600.000	(3.025.569.500)
+ Công ty Cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang (Mã: ANT)	2.704.150.150	2.887.030.000	
+ Công ty Cổ phần Everpia (Mã: EVE)	1.295.620.313	1.100.275.200	(195.345.113)
<b>Chứng khoán hủy niêm yết</b>			
+ Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Lâm thủy sản Bến Tre (Mã: FBT)			(301.448.630)
<b>Cộng</b>	<b><u>18.720.818.963</u></b>	<b><u>12.046.905.200</u></b>	<b><u>(7.158.242.243)</u></b>

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

<b>A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG</b>				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>			<b>7.759.304.000</b>	-
1	Tiền mặt (VND)	0	1.159.304.000	-
2	Các khoản tương đương tiền	0	6.600.000.000	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	-	-
<b>II. Trái phiếu Chính phủ</b>			-	-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định: Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung Ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3	-	-
<b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>			-	-
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)**

<b>A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)</b>				
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-
<b>IV. Cổ phiếu</b>			<b>12.046.905.200</b>	<b>2.151.353.520</b>
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	1.100.275.200	110.027.520
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	2.960.000.000	444.000.000
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	7.986.630.000	1.597.326.000
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	-	-
<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>			-	-
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	-	-
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>			-	-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50	-	-
<b>VII. Các tài sản khác</b>			-	-
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	-	-
<b>VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>				<b>325.006.780</b>
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	PVR	20	1.625.033.900	325.006.780
<b>A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)</b>				<b>2.476.360.300</b>



## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

## II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)		Giá trị
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong năm 2021	8.890.015.715
	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	5.963.475.570
II	1. Chi phí khấu hao	-
	2. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	5.963.475.570
	3. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	2.926.540.145
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%III)	731.635.036
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	5.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C= Max{IV,V})		5.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		9.845.426.349

## III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro /Vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	2.476.360.300	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	2.369.066.049	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	5.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	9.845.426.349	
5	Vốn khả dụng	33.116.597.365	
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	336%	

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Trưởng bộ phận  
Kiểm soát nội bộ


Nguyễn Thu Hằng

Tổng Giám đốc



Phạm Quang Trung